

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ- ST  
Ngày 07 - 01 - 2025  
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Thị Thúy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đường Ngọc Đại và ông Nguyễn Xuân Thịnh;

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Nhật Mai- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thu Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Dương Ngọc K, sinh năm 1997, có mặt;

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện B1, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Chị Tiêu Thị P1, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, TP P, tỉnh Vĩnh Phúc;

Có đơn xin xét xử vắng mặt”;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn xin ly hôn ngày 30/9/2024, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là anh Dương Ngọc K trình bày: Anh và chị Tiêu Thị P1 trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 10/8/2023 tại UBND xã T, huyện B1, tỉnh Vĩnh Phúc, đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 8 năm 2023. Sau khi kết hôn chị P1 về chung sống cùng gia đình anh K tại thôn B, xã T, huyện B1, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng tháng 4 năm 2024, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường

xuyên tranh cãi nhau chuyện ý ăn ý ở trong gia đình và chuyện con cái. Đến đầu tháng 7 năm 2024, chị P1 tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở Thôn Đ, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống cho đến nay. Anh cũng đã nhiều lần liên lạc, qua nhà chị P1 để bảo chị P1 quay về sinh sống cùng nhau nhưng chị không nghe. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị P1, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị P1.

Về con chung: Anh và chị Tiêu Thị P1 chưa có con chung.

- Về tài sản, vay nợ, công sức: Anh và chị P1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn chị Tiêu Thị P1 đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định. Chị P1 gửi văn bản trình bày quan điểm như sau: Chị thừa nhận thời điểm đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và thời gian vợ chồng sống ly thân như anh K trình bày là đúng. Theo chị nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, chị không thể hòa hợp được ý ăn ý ở trong gia đình nhà anh K. Đến ngày 05/7/2024, chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở Thôn Đ, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống, từ đó không quay về nhà anh K nữa. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh K, anh K có đơn ly hôn thì chị đồng ý.

- Về con chung: Chị và anh K không có con chung, chị xác nhận hiện nay chị không có thai.

- Về tài sản, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

- Cho anh Dương Ngọc K được ly hôn chị Tiêu Thị P1;

- Về án phí: Dương sự phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 30 tháng 9 năm 2024, anh Dương Ngọc K, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, có nộp đơn khởi kiện xin ly hôn chị Tiêu Thị P1, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Nên Tòa án nhân dân thành phố P đã thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về tình cảm: Xét đơn xin ly hôn của anh Dương Ngọc K với chị Tiêu Thị P1, Hội đồng xét xử thấy: Anh K và chị P1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 8 năm 2023 tại UBND xã T, huyện B1, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương, lời khai của anh K và chị P1 cho thấy: Sau khi kết hôn thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, đến tháng 4 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và không có con chung. Xác định không thể chung sống với anh K, nên chị P1 đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị sinh sống từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay mà vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được tình cảm. Nay anh Dương Ngọc K xin ly hôn chị P1 cũng nhất trí. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh K và chị P1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên cần chấp nhận cho anh K được ly hôn chị P1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh K và chị P1 không có con chung;

Về tài sản, vay nợ, công sức: Các đương sự đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Anh Dương Ngọc K phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Cho anh Dương Ngọc K được ly hôn chị Tiêu Thị P1.
2. Về con chung: Không có;
3. Về tài sản, vay nợ, công sức: Giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu;
4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Dương Ngọc K phải nộp 300.000đồng tiền án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số: 0004110 ngày 02 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P; anh K đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND T.P Phúc Yên;
- Chi cục THA dân sự T.P Phúc Yên;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vp;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lưu Thị Thúy**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đường Ngọc Đại**

**Nguyễn Xuân Thịnh**

**Lưu Thị Thúy**